TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2022
"V/v: Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Danh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Viết Trung

2. Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 201/2021/HNGĐ-ST ngày 01-12-2021 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-7-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DS ngày 25-7-2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T , sinh năm: 1972 (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T , sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 02, xã Long T , huyện Phú R , tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện , trong quá trình g iải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 04-12-1992, bà T và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Bù Nho, huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Phú R, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, lo lắng cho nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, ông T thường xuyên đi uống rượu về chửi bới, đánh đập vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên đã tự hòa giải để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Nay, bà T

yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T .

Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Đối với con chung của bà T và ông T đã trưởng thành, trên 18 tuổi có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T nhưng ông T vẫn vắng mặt, nên không có bản lời khai.*

***Tại phiên tòa*:** Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T .

Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Đối với con chung của bà T và ông T đã trưởng thành, trên 18 tuổi có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc " *Tranh chấp Ly hôn*", bị đơn hiện cư trú tại thôn 02, xã Long T , huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng trước đó đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhiều lần, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, nên được xem như ông từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228

của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cho rằng, trong thời gian chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc gia đình; ông T thường xuyên đi uống rượu về chửi bới, đánh đạp vợ con. Xét thấy, bà T và ông T sống chung với nhau từ năm 1992, việc sống chung hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T đến tòa để tham gia phiên hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do, hơn nữa theo lời trình bày của nguyên đơn hiện ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ngày 20-4-2022, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông bà sinh sống cũng thể hiện trong thời gian chung sống ông bà thường hay cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm lo lắng cho nhau, ông T thường xuyên đi uống rượu về chửi bới, đánh đập vợ con, ban thôn có đến can ngăn, tuy nhiên những mâu thuẫn của ông bà không làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải và hiện nay đã sống ly thân khoảng đầu năm 2022 cho đến nay. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà T là phù hợp.

Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Đối với con chung của bà T và ông T đã trưởng thành, trên 18 tuổi có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82,83,84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp Ly hôn".

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T .

2/ *Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: Đối với con chung của bà T và ông T đã trưởng thành, trên 18 tuổi có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/*Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 0015575 ngày 29-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Phú Riềng;*
- *CC THA DS huyện Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Danh Hòa